

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 21/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 22 – 3 – 2024

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Lil

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Âu Cần Đông

Ông Lê Văn Qui

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quốc Việt – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Thanh Nghiên, là Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 251/2023/TLST-HNGĐ, ngày 25 tháng 12 năm 2023 về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2024/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị L, sinh năm: 1986 (có mặt).

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

2. Bị đơn: Anh Đặng Văn L1, sinh năm: 1988 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp B, xã L, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2012 chị Lê Thị L và anh Đặng Văn L1 tự nguyện tổ chức lễ cưới, đến ngày 22/3/2013 anh chị mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Lúc đầu cuộc sống vợ chồng rất hạnh phúc, đến

năm 2015 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, anh **L1** không chăm lo làm ăn, tham gia chơi cờ bạc, chị **L** khuyên ngăn nhưng không được nên từ đó vợ chồng thường bất đồng quan điểm hay cãi vã, cuộc sống chung không còn hạnh phúc đến năm 2021 thì anh chị ly thân cho đến nay.

Về con chung: Chị **L** và anh **L1** có 01 con chung, tên **Đặng Tấn L2** (Giới tính: Nam) sinh ngày 29/12/2012, hiện đang sống chung với chị **L**.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị **Lê Thị L** yêu cầu được ly hôn với anh **Đặng Văn L1**, con chung chị **L** yêu cầu được nuôi dưỡng cháu **Đặng Tấn L2**, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh **Đặng Văn L1** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên Tòa án không tiến hành ghi lời khai của bị đơn anh **Đặng Văn L1**.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang phát biểu ý kiến như sau: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh **Đặng Văn L1** chưa chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị **Lê Thị L**, cho chị **Lê Thị L** được ly hôn với anh **Đặng Văn L1**.

Về con chung: Giao cháu **Đặng Tấn L2** (Giới tính: Nam) sinh ngày 29/12/2012 cho chị **Lê Thị L** tiếp tục nuôi dưỡng.

Chị **Lê Thị L** chưa yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên chưa xem xét.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung cho anh **Đặng Văn L1** không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa anh **Đặng Văn L1** đều vắng mặt nên không xác định được khối tài sản chung, nợ chung của chị **Lê Thị L** và anh **Đặng Văn L1** có hay không. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử tách phần tài sản chung, nợ chung không giải quyết, nếu sau này một trong hai bên có đơn khởi kiện kèm theo chứng cứ chứng minh thì sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn chị **Lê Thị L** phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ đã thể hiện trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại tòa án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục:

[1.1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh **Đặng Văn L1** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bị đơn anh **Đặng Văn L1**.

[1.2] Về thẩm quyền: Đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn” theo quy định tại Điều 28, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời khai của chị **Lê Thị L** tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định chị **Lê Thị L** và anh **Đặng Văn L1** đã đăng ký kết hôn tại kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã **L**, huyện **L**, tỉnh Hậu Giang vào ngày 22/3/2013, nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị **Lê Thị L**, Hội đồng xét xử xét thấy: Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng của chị **Lê Thị L** và anh **Đặng Văn L1** rất hạnh phúc và đã có con chung, đến năm 2015 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, anh **L1** không chăm lo làm ăn, tham gia chơi cờ bạc, chị **L** khuyên ngăn nhưng không được nên từ đó vợ chồng thường bất đồng quan điểm hay cãi vã, cuộc sống chung không còn hạnh phúc đến năm 2021 thì anh chị ly thân cho đến nay. Tại phiên tòa, chị **Lê Thị L** cương quyết yêu cầu được ly hôn với anh **Đặng Văn L1**. Xét thấy, mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân của chị **Lê Thị L** và anh **Đặng Văn L1** là trầm trọng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì chị **Lê Thị L** yêu cầu được ly hôn với anh **Đặng Văn L1** là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị **L** và anh **L1** có 01 con chung, tên **Đặng Tấn L2** (Giới tính: Nam) sinh ngày 29/12/2012 hiện đang sống chung với chị **Lê Thị Lương**. Sau khi ly hôn chị **Lê Thị L** yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu **Đặng Tấn L2**. Tại đơn trình bày nguyện vọng của cháu **Đặng Tấn L2**, sau khi cha mẹ ly hôn nguyện vọng của cháu xin được sống chung với mẹ (chị **Lê Thị L**). Anh **Đặng Văn L1** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử xem như anh **Đặng Văn L1** từ bỏ quyền yêu cầu xin được nuôi con chung. Vì vậy, để đảm bảo sự phát triển và không làm xáo trộn cuộc sống của cháu **Đặng**

Tấn L2 nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thống nhất giao cháu **Đặng Tấn L2** cho chị **Lê Thị L** tiếp tục nuôi dưỡng.

[2.3] Về cấp dưỡng: Chị **L** chưa yêu cầu nên chưa xem xét.

Anh **Đặng Văn L1** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa anh **Đặng Văn L1** đều vắng mặt. Do đó, Tòa án không tiến hành ghi được lời khai của anh **Đặng Văn L1** nên không xác định được khối tài sản chung, nợ chung của chị **Lê Thị L** và anh **Đặng Văn L1** có hay không. Vì vậy, Hội đồng xét xử tách phần tài sản chung, nợ chung không giải quyết, nếu sau này một trong hai bên có đơn khởi kiện kèm theo chứng cứ chứng minh thì sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

[3] Từ những nhận định trên, xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn chị **Lê Thị L** phải chịu là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị **Lê Thị L** được ly hôn với bị đơn anh **Đặng Văn L1**.

2. Về con chung: Giao cháu **Đặng Tấn L2** (Giới tính: Nam) sinh ngày 29/12/2012 cho chị **Lê Thị L** tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Chị **L** chưa yêu cầu nên chưa xem xét.

Anh **Đặng Văn L1** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Dành quyền khởi kiện cho chị **Lê Thị L** và anh **Đặng Văn L1** thành vụ án khác khi có yêu cầu.

4. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn chị **Lê Thị L** phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), chị **L** được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo lai thu số 0007588 ngày 25 tháng 12 năm 2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn anh **Đặng Văn L1** vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND thị xã Long Mỹ;
- Chi cục THADS thị xã Long Mỹ;
- UBND xã Long Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Lil